TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnhphúc**

Bản án số 172/2017/DS-PT
Ngày 18-9-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên;

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Hồng Mai;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Phu - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/TLPT–DS ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2017/QĐ-PT ngày 17/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1965; Đăng ký HKTT: ấp N, xã M, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ nơi cư trú**:** đường chợ T, ấp X, xã T2, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. –Là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2014) –Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh S, sinh năm 1974; Chị Cao Thị Lệ H, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: tổ X, ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh. – Vắng mặt

- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn U và người đại diện theo ủy quyền anh Phạm Thanh H trình bày:

Ngày 12/8/2013 anh Phạm Minh S, chị Cao Thị Lệ H vay anh 150.000.000 đồng, hợp đồng vay có công chứng; thỏa thuận lãi suất 2%/tháng nhưng không có giấy tờ; thời hạn vay 03 tháng từ ngày 12/8/2013. Đến hạn, anh S chị H không trả tiền lãi, không trả tiền gốc. Trước đó, ngày 01/8/2013 anh S, chị H có làm hợp đồng ủy quyền cho anh U được quyền sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) số H00522/574/2006/QĐ–UB, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18/5/2006 cho anh S chị H, hợp đồng có công chứng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay anh U quản lý. Đến nay, anh S và chị H vẫn không trả tiền nên anh khởi kiện yêu cầu chị H, anh S trả cho anh 150.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi từ ngày 12/8/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 63.800.000 đồng. Đối với hợp đồng ủy quyền sử dụng GCNQSDĐ anh không tranh chấp vì phần đất này đã được Chi cục thi hành án dân sự huyện C giao cho bà Phạm Thị I.

Bị đơn anh Phạm Minh S chị Cao Thị Lệ H trình bày:

Anh, chị có ký hợp đồng vay của anh Nguyễn Văn U 150.000.000 đồng, nhưng thực tế anh, chị chỉ nhận 31.500.000 đồng, nhận 03 lần và không trực tiếp nhận của anh U mà nhận từ chị E và anh Q. Việc nhận tiền không có viết giấy. Anh, chị nhờ anh Q, chị E vay Ngân hàng A1 tại Thành phố Hồ Chí Minh 400.000.000 đồng. Anh chị vay tiền anh U là để chi phí cho việc vay 400.000.000 đồng. Anh chị ký hợp đồng ủy quyền cho anh U được quyền sử dụng GCNQSDĐ số H00522/574/2006/QĐ–UB Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18/5/2006 do anh, chị đứng tên. GCNQSDĐ hiện anh U quản lý, nhưng phần đất được cấp giấy Chi cục thi hành án dân sự huyện C đã giao cho bà Phạm Thị I hiện ngụ ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Anh chị đồng ý trả cho anh U 150.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của anh U, nhưng anh U phải yêu cầu anh Q, chị E đến Tòa án để đối chất. Nếu không có mặt anh Q, chị E thì anh chị không chấp nhận yêu cầu của anh U. Anh anh Q làm việc tại Ngân hàng A1- Chi nhánh B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35**,** Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 471; 474; Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, Lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn U. Buộc chị Cao Thị Lệ H, anh Phạm Minh S trả cho anh Nguyễn Văn U 213.800.000 đồng. Trong đó gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi 63.800.000 đồng.

Đối với giấy chứng nhận AD9919230, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00522/574/2006/Qđ –UB, do UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18/5/2006; Đăng ký thay đổi ngày 08/4/2010, 31/7/2013 (xóa thế chấp) không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh S, chị H phải chịu 10.690.000 đồng

Hoàn trả lại cho anh U 4.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012620 ngày 15/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 11/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tiền lãi theo hướng lãi suất trong hạn 03 tháng là 1,125%/tháng, lãi quá hạn là 0,75%/tháng; tính lại án phí và bổ sung căn cứ áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh H đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh vì khoản tiền lãi anh yêu cầu 63.800.000 đồng căn cứ vào mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Mức lãi suất này thỏa thuận bằng lời nói, không ghi trong hợp đồng cũng không viết giấy nên không có tài liệu nào chứng minh.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật BLTTDS; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập anh S, chị H hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Quá trình thu thập chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của anh U cho rằng lãi suất thỏa thuận giữa anh U và anh S chị H 2%/tháng. Nhưng anh S chị H không thừa nhận. Nguyên đơn không chứng minh được 150.000.000 đồng là khoản vay có lãi. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi trong hạn và áp dụng mức lãi suất 0,75%/tháng là không có căn cứ; áp dụng mức lãi suất quá hạn là 1,125%/tháng không đúng quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự. Tiền lãi được tính lại như sau: 03 tháng trong hạn không tính lãi; Lãi quá hạn là 0,75%/tháng tính từ ngày 12/11/2013 đến

ngày xét xử sơ thẩm là 43 tháng: 0,75% x 150.000.000 đồng x 43 tháng = 48.375.000 đồng.

Ngày 15/01/2014 anh U nộp đơn khởi kiện. Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 quy định "Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH2011 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH2011 để giải quyết". Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị yêu cầu bổ sung căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 vào phần Quyết định của bản án là không cần thiết. Bởi Điều luật này không làm căn cứ buộc các đương sự phải thực hiện

Từ những nhận định trên, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh chỉ có căn cứ chấp nhận một phần; Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Tại phần Quyết định Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Khoản 3, Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35**;** Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đây là những quy định chung về những tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; về xét xử trong trường hợp đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự vắng mặt tại phiên tòa; Trách nhiệm liên đới của vợ chồng. Những quy định này không áp dụng để làm căn cứ buộc các đương sự phải thực hiện, Tòa án cấp sơ thẩm viện dẫn trong phần Quyết định là không cần thiết.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sửa Bản án số 17/2017/DS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn U.

Buộc chị Cao Thị Lệ H, anh Phạm Minh S có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn U 150.000.000 đồng tiền gốc và 48.375.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 198.375.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00522/574/2006/Qđ – UB, do UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18/5/2006 hiện anh U quản lý nhưng phần đất này Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh đã giao cho bà Phạm Thị I, anh U không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Minh S, chị Cao Thị Lệ H phải chịu 9.918.700 đồng (Chín triệu chín trăm mười tám ngàn bảy trăm đồng).

Hoàn trả cho anh U 4.125.000 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012620 ngày 15/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
-VKSND.TTN;
-TAND H. C;
-Chi cục THADSH. C;
-Phòng KTNV. TAT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

Nguyễn Thị An Tiên